TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày 13-5-2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Cao Thị T; cư trú tại thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N; cư trú tại thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Cao Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị T và ông Nguyễn Văn N chung sống với nhau do tự nguyện và có được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống của địa phương từ năm 1993 nhưng đến ngày 29 tháng 10 năm 2002, vợ chồng mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi cưới, hai người chung sống cùng nhau tại gia đình bố, mẹ đẻ ông Nguyễn Văn N ở thôn K, xã L; đến năm 2005 chuyển về ở tại thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, đến năm 2015 đã phát

sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng, trầm trọng. Do mâu thuẫn căng thẳng nên mặc dù vẫn sống chung cùng nhà nhưng thực tế vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay bà Cao Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thị Thu T1 - sinh năm 1994 và Nguyễn Đức L - sinh năm 1996 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống.

Về tài sản: Bà Cao Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N, trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Nguyễn Văn N đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của ông Nguyễn Văn N trước yêu cầu xin ly hôn của bà Cao Thị T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần, không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Cao Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn N; các con chung Nguyễn Thị Thu T1 - sinh năm 1994 và Nguyễn Đức L - sinh năm 1996 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống. Về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà Cao Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Bị đơn, ông Nguyễn Văn N đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng ông Nguyễn Văn N vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, ông Nguyễn Văn N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định bà Cao Thị T và ông Nguyễn Văn N kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 29 tháng 10 năm 2002. Quá trình chung sống, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Cao

Thị T và ông Nguyễn Văn N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Cao Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

[3] Về con chung: Các con chung Nguyễn Thị Thu T1 - sinh năm 1994 và Nguyễn Đức L - sinh năm 1996 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống.

[4] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết. Nếu các bên đương sự có tranh chấp, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Bà Cao Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Cao Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Các con chung Nguyễn Thị Thu T1 - sinh năm 1994 và Nguyễn Đức L - sinh năm 1996 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Cao Thị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Bà Cao Thị T đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0012979 ngày 06 tháng 01 năm 2021) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã L, huyện A;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch